

Sở GD & ĐT tỉnh Lâm Đồng
Trường PTDTNT THCS và THPT Đắk Glong

BẢNG CÔNG KHAI TÀI CHÍNH BẾP ĂN HỌC SINH Ở NỘI TRÚ
THÁNG 09 NĂM 2025

ĐVT : đồng

STT	Nội Dung	Số hs báo cơm		Định Mức		Thành Tiền
1/	Tồn tháng trước liền kề chuyển sang					0
2/	Tổng số thu trong tháng theo kế hoạch	237	x	1.872.000	=	443.664.000
3/	Tổng số chi trong tháng					400.130.276
4/	Tổng tiền tồn trong tháng					43.533.724
Chi mua thực tế trong tháng :		Số lượng		Đơn giá		Thành Tiền
3,1	Tiền ga	288		32.917		9.480.096
3,2	Tiền nước uống	128		38.000		4.864.000
	Giảm thuế					9.728
	Tiền thanh toán					4.854.272
3,3	Tiền giấy vệ sinh	128		35.000		4.480.000
	Tiền xà bông giặt	128		62.000		7.936.000
	Tiền kem đánh răng	32		30.000		960.000
	Tiền sữa tắm	32		165.000		5.280.000
	Tiền dầu gội	32		165.000		5.280.000
	Tiền nước lau sàn	32		35.000		1.120.000
	Tiền Vim tẩy	32		30.000		960.000
	Tiền nước rửa tay	32		37.000		1.184.000
	Giảm thuế					8.960
	Tiền thanh toán					27.191.040
3,4	Muối	76		6.000		456.000
	Dầu ăn	110		48.000		5.280.000
	Bột ngọt	8		70.000		560.000
	Bột ngọt	1		28.000		28.000
	Đường	28		30.000		840.000
	Hạt nêm	14		70.000		980.000
	Nước rửa chén	14		110.000		1.540.000
	Nước lau sàn	3		90.000		270.000
	Nước rửa tay (chai to)	10		40.000		400.000
	Nước mắt chấm Nam Ngư chai 750ml	22		35.000		770.000
	Nước mắm nhĩ cá cơm	9		55.000		495.000
	Nước mắm chấm Nam Ngư	28		48.000		1.344.000
	Phở bò	1147		8.500		9.749.500
	Mì tôm chua cay	2250		3.500		7.875.000



	Hủ tiếu sườn heo	1016		8.500		8.636.000
	Hủ tiếu bò kho	742		8.500		6.307.000
	Hủ tiếu nam vang	55		8.500		467.500
	Giảm thuế					86.664
	<i>Tiền thanh toán</i>					<i>45.911.336</i>
3,5	Tiền gạo	1792		19.000		34.040.400
	Thịt heo ba chỉ	127		140.000		17.780.000
	Thịt nạc xay	15		140.000		2.100.000
	Thịt gà	205		125.000		25.625.000
	Thịt cốt lết	52		135.000		7.020.000
	Trứng gà	2775		3.500		9.712.500
	Muróp	110		20.000		2.200.000
	Mùng toi	32		20.000		640.000
	Cá điêu hồng	66		95.000		6.270.000
	Tôm tươi	116		190.000		22.040.000
	Đậu ve	30		30.000		900.000
	Xương heo	25		100.000		2.500.000
	Đậu khuôn	20		2.500		50.000
	Cải ngọt	135		20.000		2.700.000
	Rau muống	92		20.000		1.840.000
	Su su	163		15.000		2.445.000
	Bầu	48		20.000		960.000
	Bắp sú	150		15.000		2.250.000
	Bí đỏ	96		15.000		1.440.000
	Bí xanh	76		20.000		1.520.000
	Cải thảo	120		15.000		1.800.000
	Sả cây	10		30.000		300.000
	Gừng	8		30.000		240.000
	Đu đủ	20		10.000		200.000
	Giá đỗ	66		15.000		990.000
	Me chua	2		40.000		80.000
	Hành lá	20		30.000		600.000
	Ngò rí	6,3		30.000		189.000
	ớt	10		30.000		300.000
	Giá đỗ	18		25.000		450.000
	Cà chua	10		25.000		250.000
	Dọc mùng	7		25.000		175.000
	Thơm	5		25.000		125.000
	Rau thơm	2		25.000		50.000
	Dưa chua	20		20.000		400.000
	Rau ngót	20		25.000		500.000
	Cải thìa	48		25.000		1.200.000

ĐƠN
 TRƯỞNG
 HỒNG
 CHỨC
 K GL
 ★

	Cá nục hấp khô	70		100.000		7.000.000
	Gia vị bò kho	6		10.000		60.000
	Thịt bò nạc xay	4,7		250.000		1.175.000
	Bún tươi	50		12.000		600.000
	Thịt bò nạc	94		250.000		23.500.000
	Thịt bò gân	69		230.000		15.870.000
	Hành tây	20		20.000		400.000
	Cần tây	12		40.000		480.000
	Củ cải	15		15.000		225.000
	Cà rốt	15		20.000		300.000
	Cá lóc	52		105.000		5.460.000
	Mực hấp cơm	68		200.000		13.600.000
	Cá cơm khô	38		160.000		6.080.000
	Cá Trắm	99		120.000		11.880.000
	Củ su hào	24		20.000		480.000
	Giảm thuế					955.968
	Tiền thanh toán					238.035.932
3,6	Phát trả lại học sinh không ăn thứ 7, chủ nhật					45.080.000
3,7	Phát trả lại học sinh ngày 1,2/9					29.577.600

THỦ KHO



Mai Thị Yên

KẾ TOÁN



Trịnh Thị Hằng

Quảng Khê, ngày 12 tháng 12 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Kiến Huyền



Ý KIẾN CỦA BAN ĐẠI DIỆN CHA MẸ HỌC SINH


K'Chong.